

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 08-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lư Thị M, sinh năm 1963; cư trú tại Khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964; cư trú tại ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-4-2018 và biên bản hòa giải ngày 23-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lư Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, thường hay cự cãi nhau. Nay bà M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà M và ông T có 02 người con chung tên Ngô Minh N (nam), sinh năm 1993 và Ngô Yến N (nữ), sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Sau khi ly hôn, bà M và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 23-5-2018 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Ngô Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác định thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1987, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà M.

Về nuôi con chung: Ông T xác định quá trình chung sống có 02 người con chung là Minh N và Yến N. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T đồng ý tự thỏa thuận phân chia với bà M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Ông T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1987. Tuy bà M và ông T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Bà M và ông T có 02 người con chung tên Ngô Minh N, sinh năm 1993 và Ngô Yến N, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Sau khi ly hôn, bà M và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung và ông, bà thống nhất xác định quá trình chung sống không có nợ người khác và không ai nợ lại; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà M, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lư Thị M phải chịu 300.000 đồng, ngày 17 tháng 4 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011923 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lư Thị M và ông Ngô Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út